

TRƯỜNG MẦM NON AN SINH B
NHÓM TRẺ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Sinh, ngày 25 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC
NHÓM TRẺ 1

Tên nhóm/ lớp: **Nhóm trẻ 1**

Số lượng trẻ trong nhóm/lớp: 17 trẻ

Số giáo viên/ 1 lớp, tên giáo viên: 2 giáo viên Hoàng Thị Thủy – Trần Thị Huyền

Căn cứ kế hoạch số 256 /KH CSNDGD–MNASB, ngày 22 tháng 08 năm 2024 Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của trường mầm non An Sinh B năm học 2024 - 2025

Căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng, nhu cầu, nhận thức của trẻ Nhóm trẻ 1 xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cụ thể như sau:

I. Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

Mã	Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
1.1. Tổ chức ăn		
MT1	Ăn đủ bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ.đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định	Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. - Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 – 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal . + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25%

		đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - <i>Sử dụng sản phẩm có sẵn ở địa phương</i>
1.2. Tổ chức ngủ		
MT2	Trẻ được ngủ 2 giấc (trẻ 12 – 18 tháng); 1 giấc trưa (trẻ 18 – 24 tháng) ngủ đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Trẻ 12 – 24 tháng: Trẻ ngủ đủ giấc từ 90 – 120 phút/ 1 giấc - Trẻ 18 – 24 tháng: Ngủ trưa đúng, đủ giờ 150 phút
1.3. Vệ sinh		
MT3	Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân đảm bảo sức khỏe: Rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT4	Trẻ được sống trong môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
MT5:	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Phòng và xử trí một số bệnh thường gặp: ho, mẩn ngứa, viêm mũi... - Phòng và xử trí một số tai nạn thương tích thường gặp: bỏng, rách da, tổn thương phần mềm, gãy xương, ngộ độc, dị vật ở tai, mũi, họng - Phòng và xử trí một số trường hợp bất thường về sức khỏe của trẻ: sốt, chảy máu mũi, co giật, tổn thương mắt - Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm: ho, viêm đường hô hấp... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc, bỏng, cháy, điện giật....
MT6	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Trẻ 18 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 10,9kg Chiều cao: 82,3 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,2 kg Chiều cao: 80,7 0cm - Trẻ 24 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,2 đến 14,0 (kg)	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Cân trẻ 1 tháng 1 lần. đo trẻ 3 tháng 1 lần. - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học. - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì

	Chiều cao: 79,4 đến 85,4 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,6 đến 13,2 (kg) Chiều cao: 83,3 đến 89,8 cm - Trẻ được khám sức khỏe định kỳ - Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	
--	---	--

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

Mã	Mục tiêu	Nội dung
	Lĩnh vực phát triển thể chất	
	Phát triển vận động	
	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
MT7	<i>Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước – đưa sang ngang. Trẻ biết tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần. (QCN) - Trẻ tập được các động tác theo bài hát có lời</i>	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau - Lung, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên. - Tập các động tác theo bài hát có lời theo chủ đề: <i>erobic, dân vũ</i> - Trẻ tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần. (QCN)
	- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.	Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
MT8	Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật	-Tập đi - Đi đến với cô

	nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m	- Đi trong đường hẹp; - Bước qua vật cản - Đi theo các hướng khác nhau - Đi theo hiệu lệnh - Đi có mang vật nhỏ trên tay
MT9	Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Bò chui qua vòng - Bò tới đích. - Trườn tới đích
MT10	Trẻ biết bước lên xuống bậc thang	- Tập bước lên xuống bậc thang
MT11	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	- Ngồi lăn, tung bóng - Lăn - bắt bóng với cô. - Lăn bóng bằng hai tay - Lăn bóng vào đích
MT12:	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	- Ném bóng bằng một tay về phía trước 1,2m - Đá bóng lăn xa 1,5m - Ném bóng qua dây - Đứng ném, tung bóng
	- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	Các cử động của bàn tay ngón tay và phối hợp tay mắt
MT13	Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Xoay bàn tay, cử động các ngón tay - Nhặt com roi vãi, co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đập, đóng đồ vật - Đóng mở nắp không ren, nắp có ren
MT14	Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối.
MT15	Trẻ biết vạch các nét nguệch ngoạc	- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.

	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
	- Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt
MT16	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cháo, cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cháo, cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.
MT17	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc: Cơm, cháo, canh...
MT18	Trẻ biết thực hiện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, sinh hoạt:	- Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong vệ sinh: rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh
MT19	Trẻ biết ngủ đủ 2 giấc (<i>trẻ 12 – 18 tháng</i>), ngủ đủ một giấc buổi trưa (<i>trẻ 18 – 24 tháng</i>).	- Làm quen thói quen ngủ 2 giấc trong ngày (<i>trẻ 12 – 18 tháng</i>), 1 giấc buổi trưa (<i>trẻ 18 – 24 tháng</i>)
MT20	Trẻ biết ngồi bô, biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Luyện tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.
	- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe
MT21	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn; cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	- Tập tự ngồi vào bàn ăn - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh
	- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn
MT22	Trẻ biết tránh vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. (QCN)	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..)

	Lĩnh vực phát triển nhận thức	
	Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	Luyện tập phối hợp các giác quan: <i>Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác</i>
MT23	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi, nếm vị của một số hoa, quả, thức ăn quen thuộc, gần gũi:
MT23a	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng: Đồ chơi, đồ vật.	- Tìm đồ vật vừa cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh
MT23b	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng: hoa, quả, thức ăn	- Ngửi mùi, nếm vị của một số hoa, quả, thức ăn quen thuộc, gần gũi:
	- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói	Nhận biết
MT24	Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	- Tham gia các trò chơi “Bế em”, “Gọi điện thoại”, “xây nhà”, “bác sỹ”, “Chơi nấu ăn”, “Bán hàng”, “Bác tài xế”...
MT25	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của bản thân; hình ảnh của bản thân trong gương - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp
MT25a	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình khi được hỏi	- Tên của bản thân; hình ảnh của bản thân trong gương
MT25b	Trẻ chỉ hoặc nói được tên những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp
MT26	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT27	Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, phương tiện giao thông quen thuộc theo yêu cầu của người	- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.

	lớn	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc
MT27a	Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu của người lớn	- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT27b	Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên hoa quả quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa, quả quen thuộc
MT27c	Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc
MT27d	Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên phương tiện giao thông quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.
MT28	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi màu đỏ hoặc màu xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Màu đỏ, xanh. - Thực hiện theo yêu cầu của cô hoặc người lớn.
MT29	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi kích thước to hoặc nhỏ theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Kích thước to - nhỏ. - Thực hiện theo yêu cầu của cô hoặc người lớn.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
	- Nghe hiểu lời nói	Nghe
MT30	Trẻ nghe các giọng nói khác nhau, thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; Đi rửa tay; Đi đến chỗ con gấu;...	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
MT31	Trẻ hiểu, dừng hành động khi được nhắc nhở	- Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ”,...
MT32	Trẻ trả lời được một số câu hỏi đơn giản: Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây...	- Nghe và trả lời các câu hỏi: “Ở đâu?”, “Con gì?”; “thế nào?”, “Cái gì?”; “Làm gì?” - Đặt các câu hỏi: Làm gì? Con gì? Cái gì? Ở đâu? Thế nào?

	- Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	Nói
MT33	Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh	- Lắng nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh
MT34	Trẻ nhắc lại các từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?", "Cái gì?"... - <i>Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh và nhắc lại theo yêu cầu của cô.</i>
MT35	Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo cô tiếng cuối của câu thơ - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ
	- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	Nói
MT36	Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: Mẹ bế, mẹ bế bé, con đi chơi, mẹ đi làm. ...	- Nói câu đơn 2 - 3 tiếng thể hiện nhu cầu mong muốn của bản thân bằng câu đơn giản
MT37	<i>Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (Con uống nước, con muốn,...). Trẻ biết bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ(QCN)</i>	- <i>Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng 1 từ, câu đơn giản</i> - <i>Trẻ bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ(QCN)</i>
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ		
	Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	Phát triển tình cảm
MT38	Trẻ nhận ra bản thân trong gương trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh của bản thân.
	Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT39	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ,	- Giao tiếp với cô và bạn.

	lời nói với những người gần gũi.	
MT40	Trẻ biết cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi của mình với những người xung quanh	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh
MT41	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Quan tâm đến các con vật nuôi
MT41a	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi
MT41b	Trẻ thích quan sát một số con vật	Quan tâm đến các con vật nuôi
	Thể hiện hành vi xã hội đơn giản	Phát triển kĩ năng xã hội
MT42	Trẻ biết chào, tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp đơn giản: chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ", "ạ";
MT43	Trẻ biết bắt chước một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	- Tập một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)
MT44	Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn
	Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ
MT45	Trẻ thích nghe hát và vận động nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay). <i>Trẻ thích nghe các bản nhạc không lời, các bài hát thiếu nhi tiếng Anh</i>	- Nghe hát, nghe nhạc theo các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. - <i>Nghe các bản nhạc không lời, các bài hát thiếu nhi tiếng Anh</i>
MT46	Trẻ thích vẽ, xem tranh	- Tập cầm bút vẽ - Xem tranh.

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ (THÁNG) VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

TT	Chủ đề	Thời gian thực hiện	Các sự kiện trong năm
1	Bé và các bạn	Tháng 9 Từ ngày: 09/09/2024 - 04/10/2024	- Ngày Khai giảng - Tết trung thu
2	Mẹ và những người thân yêu của bé	Tháng 10 Từ ngày: 07/10/2024 – 01/11/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	Các cô, bác trong trường mầm non của bé	Tháng 11 Từ ngày 04/11/2024 – 22/11/2024	- Ngày nhà giáo VN 20/11
4	Đồ chơi của bé	Tháng 12 Từ ngày 25/11/2024 – 20/12/2024	- Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
5	Những con vật bé yêu	Tháng 1 Từ ngày 23/12/2024 – 17/01/2025	
6	Ngày tết, mùa xuân và lễ hội quê hương bé	Tháng 2 Từ ngày 20/01/2025 – 28/02/2025	Tết nguyên đán
Từ ngày 27/01/2025 (Thứ Hai, ngày 28 tháng Chạp) đến hết ngày 08/02/2025 (Thứ Bảy, ngày 11 tháng Giêng).			
7	Bé yêu cây và những bông hoa đẹp	Tháng 3 Từ ngày 03/03/2025 – 28/03/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 08/03
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì?	Tháng 4 Từ ngày 31/03/2025 – 25/04/2025	
9	Bé yêu mùa hè	Tháng 5 Từ ngày 28/04/2025 - 23/05/2025	- Ngày sinh nhật Bác 19/5 - Ngày 30/4 và 1/5
Tổng		9 tháng (35 tuần)	

IV. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

STT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé và các bạn 4 tuần Từ ngày: 09/09/2024 - 04/10/2024	Bé vui đến lớp	Từ 09/09 - 13/09/2024	Tuần 1
		Bé và các bạn cùng chơi	Từ 16/09 - 20/09/2024	Tuần 2
		Các bạn của bé ở lớp	Từ 23/09 - 27/09/2024	Tuần 3
		Bé biết bao nhiêu điều	Từ 30/09 - 04/10/2024	Tuần 4
2	Mẹ và những người thân yêu của bé 4 tuần Từ ngày 07/10/2024 – 01/11/2024	Bố mẹ và gia đình thân yêu của bé	Từ 07/10 - 11/10/2024	Tuần 5
		Mẹ yêu bé	Từ 14/10 - 18/10/2024	Tuần 6
		Đồ dùng trong gia đình	Từ 21/10 - 25/10/2024	Tuần 7
		Ngôi nhà thân yêu của bé	Từ 28/10 - 01/11/2024	Tuần 8
3	Các cô, bác trong trường mầm non của bé 3 tuần Từ ngày 04/11/2024 – 22/11/2024	Cô giáo của bé	Từ 04/11- 08/11/2024	Tuần 9
		Các cô bác cấp dưỡng trong trường mầm non của bé	Từ 11/11 - 15/11/2024	Tuần 10
		Ngày hội của các cô giáo (20-11)	Từ 18/11 - 22/11/2024	Tuần 11
4	Đồ chơi của bé 4 tuần Từ ngày 25/11/2024 – 20/12/2024	Đồ dùng của bé	Từ 25/11- 29/11/2024	Tuần 12
		Những đồ chơi quen thuộc gần gũi	Từ 02/12 - 06/12/2024	Tuần 13
		Những đồ chơi bé thích	Từ 09/12 - 13/12/2024	Tuần 14
		Đồ chơi có thể chuyển động được	Từ 16/12 - 20/12/2024	Tuần 15

5	Những con vật bé yêu 4 tuần Từ ngày 23/12/2024 – 17/01/2025	Những con vật thân quen trong nhà (nhóm chim)	Từ 23/12 - 27/12/2024	Tuần 16
		Những con vật thân quen trong nhà (nhóm thú nuôi trong gia đình)	Từ 30/12 - 03/01/2025	Tuần 17
		Vườn thú (nhóm thú sống trong rừng)	Từ 06/01 - 19/01/2025	Tuần 18
		Những con vật bé thích (nhóm cá)	Từ 13/01 - 17/01/2025	Tuần 19
6	Ngày tết, mùa xuân và lễ hội quê hương bé 4 tuần Từ ngày 20/01/2025 – 28/02/2025	Bé mong đón tết	Từ 20/01 - 24/01/2025	Tuần 20
		NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN Từ ngày 27/01/2025 (Thứ Hai, ngày 28 tháng Chạp) đến hết ngày 08/02/2025 (thứ 7 ngày 11 tháng Giêng)		
		Lễ hội quê bé	Từ 10/02 - 14/02/2025	Tuần 21
		Thời tiết mùa xuân	Từ 17/02 – 21/02/2025	Tuần 22
		Phong cảnh mùa xuân	Từ 24/02 - 28/02/2025	Tuần 23
7	Bé yêu cây và những bông hoa đẹp 4 tuần Từ ngày 03/03/2025 – 28/03/2025	Em yêu cây xanh	Từ 03/03 - 07/03/2025	Tuần 24
		Những bông hoa đẹp	Từ 10/03 - 14/03/2025	Tuần 25
		Vườn rau của bé	Từ 17/03 - 21/03/2025	Tuần 26
		Các loại quả bé thích	Từ 24/03 – 28/03/2025	Tuần 27
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì?	Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp	Từ 31/03 - 04/04/2025	Tuần 28

	4 tuần Từ ngày 31/03/2025 – 25/04/2025	Phương tiện giao thông quen thuộc: xe máy	Từ 07/04 - 11/04/2025	Tuần 29
		Phương tiện giao thông bé thích: ô tô	Từ 14/04 - 18/04/2025	Tuần 30
		Phương tiện giao thông bé thích: máy bay	Từ 21/04 - 25/04/2024	Tuần 31
9	Bé yêu mùa hè 4 tuần Từ ngày 28/04/2025 - 23/05/2025	Thời tiết mùa hè	Từ 28/04 - 02/05/2025	Tuần 32
		Quần áo và trang phục mùa hè	Từ 05/05 - 09/05/2025	Tuần 33
		Món ngon mùa hè	Từ 12/05 - 16/05/2025	Tuần 34
		Bé làm được gì trong mùa hè	Từ 19/05 - 23/05/2025	Tuần 35
Tổng cộng	9 chủ đề			35 tuần

V. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phiếu kèm theo)

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học của nhóm trẻ 1 năm học 2024 - 2025. Đề nghị Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

An Sinh, ngày 25 tháng 8 năm 2024

BGH duyệt
PHT

Nguyễn Thị Mùi

TỔ CHUYÊN MÔN
TTCM



Đỗ Thị Khanh

GIÁO VIÊN THỰC HIỆN



Hoàng Thị Thủy- Trần Thị Huyền

